

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết một số thủ tục hành chính liên thông liên quan lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Chi thị số 08/CT-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết một số thủ tục hành chính liên thông liên quan lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, TTTT, CV XD;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KSTT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

**Phối hợp giải quyết một số thủ tục hành chính liên thông
liên quan lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 31 /12 /2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công khai, hướng dẫn thủ tục hành chính (TTHC), quy trình tiếp nhận hồ sơ, chuyển giao, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC liên quan trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng; mối quan hệ và trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức có liên quan trong quá trình giải quyết một số TTHC liên thông tại các cơ quan có TTHC liên quan trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định pháp luật của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức có liên quan.
2. Chủ động, thường xuyên, kịp thời, bảo đảm chất lượng và thời hạn giải quyết TTHC.
3. Áp dụng có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, rút ngắn thời gian từng thủ tục, thực hiện đồng thời, song song các thủ tục nhằm rút ngắn tổng thời gian giải quyết TTHC.
4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.
5. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân làm thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.
6. Không làm phát sinh chi phí thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Cử người phối hợp trực tiếp

Khi triển khai các hoạt động có liên quan, cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC có văn bản đề nghị cử người tham gia phối hợp trực tiếp, cơ quan được đề nghị có trách nhiệm trả lời về việc cử người tham gia. Người được cử tham gia phải thực hiện theo nhiệm vụ phối hợp được phân công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với lãnh đạo cơ quan quản lý trực tiếp.

2. Tổ chức cuộc họp

Khi có yêu cầu tổ chức cuộc họp (thẩm định quy hoạch, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra nghiệm thu...), cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC cần chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức cuộc họp trước khi chính thức mời đại diện lãnh đạo các cơ quan tham gia.

3. Cung cấp thông tin, tài liệu và trao đổi ý kiến

Khi cần cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trao đổi ý kiến phục vụ việc triển khai nhiệm vụ theo quy định thì cơ quan có nhu cầu có văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu hoặc gửi hồ sơ lấy ý kiến. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan có nhu cầu, trường hợp không thực hiện được thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành

Đối với công trình xây dựng hoàn thành khi đưa vào sử dụng thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng (cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC), đồng thời thuộc đối tượng kiểm tra, xác nhận công trình phòng cháy chữa cháy, công trình bảo vệ môi trường hoàn thành, thì cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC xem xét việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành phù hợp với điều kiện thực tế.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong việc rà soát, sửa đổi TTHC có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng

1. Căn cứ thời gian rút ngắn giải quyết TTHC tại **Phụ lục 01** và nội dung phối hợp tại Quy chế này, các cơ quan có liên quan rà soát, điều chỉnh lại thời gian, trình tự, cách thức giải quyết TTHC để đảm bảo tính đồng bộ giải quyết TTHC liên thông trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, lĩnh vực xây dựng.

2. Trong quá trình giải quyết TTHC liên thông, trường hợp cơ quan liên quan giải quyết thủ tục vượt quá thời gian nêu tại Khoản 1 Điều này thì phải có văn bản nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành gửi về cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC để thông báo đến người đề nghị giải quyết TTHC.

Điều 6. Phối hợp giải quyết các TTHC liên thông thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, đồ án quy hoạch chi tiết và cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. Tổng thời gian giải quyết TTHC liên thông thẩm định, phê duyệt đối với nhiệm vụ quy hoạch chi tiết không quá 27 ngày (trong đó: thẩm định 20 ngày, phê duyệt 07 ngày làm việc); đồ án quy hoạch chi tiết không quá 32 ngày (trong đó: thẩm định 25 ngày, phê duyệt 07 ngày làm việc); cấp giấy phép quy hoạch không quá 27 ngày (trong đó: thẩm định 20 ngày, phê duyệt 07 ngày làm việc).

2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC chủ trì thẩm định (kiểm tra thực địa nếu cần thiết); gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan; tổng hợp ý kiến (tổ chức cuộc họp nếu cần thiết) ra thông báo kết quả thẩm định; gửi hồ sơ đã hoàn chỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC gửi đến người đề nghị thẩm định trong thời hạn nêu tại khoản 1 Điều này. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản trả lời trong vòng 10 ngày. Người đề nghị thẩm định chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định (thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian giải quyết TTHC).

3. Cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và gửi kết quả (quyết định phê duyệt hoặc văn bản ý kiến) về cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 7. Phối hợp giải quyết TTHC liên thông thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Tổng thời gian giải quyết TTHC liên thông thẩm định, phê duyệt đối với dự án nhóm B không quá 37 ngày (trong đó: thẩm định 30 ngày, xem xét phê duyệt 07 ngày làm việc); đối với dự án nhóm C (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) không quá 27 ngày (trong đó: thẩm định 20 ngày, xem xét phê duyệt 07 ngày làm việc).

2. Tiếp nhận hồ sơ, phối hợp thẩm định: Trường hợp hồ sơ trình thẩm định chưa có kết quả thẩm định, phê duyệt về bảo vệ môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường), cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC hướng dẫn người đề nghị thẩm định gửi hồ sơ trình thẩm định đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, để hai cơ quan cùng thực hiện song song TTHC. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường gửi 01 bản thông báo kết quả thẩm định, phê duyệt về cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC để tổng hợp theo thời hạn giải quyết TTHC về bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thẩm định: Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC chủ trì thẩm định (kiểm tra thực địa nếu cần thiết); gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan (bao gồm: TTHC thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy; công nghệ dự án; thẩm tra thiết kế, dự toán); tổng hợp ý kiến (tổ chức cuộc họp nếu cần thiết), ra thông báo kết quả thẩm định; tiếp nhận, kiểm tra, đóng dấu thẩm định và trả hồ sơ dự án đã đóng dấu thẩm định cho người đề nghị thẩm định. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, thẩm tra có trách nhiệm gửi văn bản trả lời trong vòng 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C. Người đề nghị thẩm định chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo thông báo kết quả thẩm định (thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian giải quyết TTHC).

3. Xem xét, phê duyệt dự án: Trong vòng 02 ngày làm việc cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC tiếp nhận, hoàn chỉnh hồ sơ và gửi hồ sơ trình phê duyệt đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và gửi kết quả (quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản ý kiến) về cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC để trả kết quả cho chủ đầu tư.

Trường hợp cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC (chủ trì thẩm định dự án) được ủy quyền quyết định TTHC (phê duyệt dự án) thì thời gian xem xét, phê duyệt trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt hợp lệ.

Điều 8. Phối hợp giải quyết TTHC thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế 1 bước (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và vốn khác)

1. Tổng thời gian giải quyết TTHC thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm B không quá 15 ngày; đối với dự án nhóm C không quá 10 ngày.

2. Tổ chức thẩm định thiết kế: Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC hướng dẫn người đề nghị thẩm định thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng (xác định cụ thể các thủ tục tại khoản 3 Điều này); tiếp nhận hồ sơ; gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan; tổng hợp ý kiến, ra thông báo kết quả thẩm định; tiếp nhận, kiểm tra, đóng dấu thẩm định và trả hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm định cho người đề nghị thẩm định trong thời hạn nêu tại khoản 1 Điều này. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản trả lời trong vòng 10 ngày đối với dự án nhóm B, 07 ngày đối với dự án nhóm C. Người đề nghị thẩm định chỉnh sửa, bổ sung thiết kế theo thông báo kết quả thẩm định (thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian giải quyết TTHC).

3. Căn cứ quy mô, tính chất công trình người đề nghị thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt riêng theo quy định pháp luật chuyên ngành (về bảo vệ môi trường, PCCC, công nghệ dự án...) và tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo thông báo kết quả thẩm định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

Điều 9. Phối hợp giải quyết TTHC liên thông thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (thiết kế sau thiết kế cơ sở)

1. Tổng thời gian giải quyết TTHC liên thông thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng đối với công trình cấp II và cấp III không quá 33 ngày (trong đó: thẩm định 26 ngày, phê duyệt dự án sử dụng vốn NSNN 07 ngày làm việc); đối với công trình còn lại không quá 23 ngày (trong đó: thẩm định 16 ngày, phê duyệt dự án sử dụng vốn NSNN 07 ngày làm việc).

2. Tổ chức thẩm định: Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC tiếp nhận hồ sơ, chủ trì thẩm định; gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan (bao gồm: thẩm tra thiết kế, dự toán; TTHC thẩm duyệt thiết kế về PCCC); tổng hợp, ra thông báo kết quả thẩm định; kiểm tra, đóng dấu thẩm định hồ sơ và trả hồ sơ đã đóng dấu thẩm định (hoặc văn bản trả lời) cho chủ đầu tư. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, thẩm tra có trách nhiệm gửi văn bản trả lời trong vòng 15 ngày đối với đối với công trình cấp II và cấp III, 10 ngày đối với đối với công trình còn lại. Chủ đầu

tư có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo thông báo kết quả thẩm định và gửi hồ sơ đã hoàn chỉnh về cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC (thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian giải quyết TTHC).

3. Xem xét, phê duyệt đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (07 ngày làm việc): Trong vòng 02 ngày làm việc cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC tiếp nhận, hoàn chỉnh hồ sơ và gửi hồ sơ trình phê duyệt đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và gửi kết quả (quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản ý kiến) về cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC để trả kết quả cho chủ đầu tư.

Trường hợp cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC (chủ trì thẩm định thiết kế) được ủy quyền quyết định TTHC (phê duyệt thiết kế) thì thời gian xem xét, phê duyệt trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt hợp lệ.

Điều 10. Phối hợp giải quyết TTHC cấp giấy phép xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện

1. Tổng thời gian giải quyết TTHC cấp giấy phép xây dựng đối với công trình không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết) và thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước trả lời trong vòng 10 ngày, sau thời hạn trên nếu không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình.

Điều 11. Phối hợp nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư khi công trình xây dựng hoàn thành để đưa vào sử dụng

1. Tổng thời gian thực hiện kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp yêu cầu cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường không quá 30 ngày (phải lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường), 15 ngày (không phải lấy mẫu phân tích); các trường hợp còn lại không quá 10 ngày.

2. Công trình xây dựng hoàn thành khi đưa vào khai thác, sử dụng thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC, đồng thời thuộc đối tượng nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy hoàn thành; cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phối hợp thực hiện như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Công an tỉnh tổ chức kiểm tra đồng thời các nội dung trên. Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra, cơ quan phối hợp cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra hoạt động độc lập theo các tổ chuyên môn tại hiện trường; các tổ chuyên môn tiến hành kiểm tra, có ý kiến nhận xét, báo cáo trường

đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra về lĩnh vực chuyên môn do mình thực hiện hoặc;

b) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc kiểm tra nghiệm thu của các cơ quan phối hợp có thể thực hiện độc lập, sau khi kết thúc đợt kiểm tra, cơ quan phối hợp có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản đến cơ quan chủ trì mà không cần tham gia đoàn kiểm tra.

3. Cơ quan chủ trì tổng hợp kết quả kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ nội dung cụ thể tại **Phụ lục 01** và Quy chế này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình thực hiện quy chế này nếu có vướng mắc phản ánh về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp ./.

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh



Phụ lục 01

PHỐI HỢP RÚT NGẮN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông liên quan lĩnh vực quy hoạch xây dựng và lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

Số TT	Thủ tục hành chính liên thông/các bước thực hiện/tên TTHC thực hiện song song	Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước				Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác				Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC	Cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú	
		Thời hạn giải quyết TTHC theo quy định (ngày)		Thời hạn giải quyết TTHC sau cắt giảm (ngày)		Thời hạn giải quyết TTHC theo quy định (ngày)		Thời hạn giải quyết TTHC sau cắt giảm (ngày)						
		Dự án nhóm B	Dự án nhóm C	Dự án nhóm B	Dự án nhóm C	Dự án nhóm B	Dự án nhóm C	Dự án nhóm B	Dự án nhóm C					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
I	LĨNH VỰC QUY HOẠCH													
1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình	35	35	27	27	35	35	27	27					
1.1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh/UBND cấp huyện	20	20	20	20	20	20	20	20	Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện	Cơ quan, tổ chức có liên quan		Theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh	
1.2	Xem xét, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	15	15	7	7	15	15	7	7			UBND tỉnh/ UBND cấp huyện		

2	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình	40	40	32	32	40	40	32	32				
2.1	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh/UBND cấp huyện	25	25	25	25	25	25	25	25	Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện	Cơ quan, tổ chức có liên quan		Theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 24/7/2018
2.2	Xem xét, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch	15	15	7	7	15	15	7	7			UBND tỉnh/ UBND cấp huyện	
3	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý/UBND cấp huyện quản lý	45	45	27	27	45	45	27	27				Theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh, trong đó thẩm định 20 ngày, phê duyệt 7 ngày.
3.1	Thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, tổng hợp trình phê duyệt	30	30	20	20	30	30	20	20	Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện	Cơ quan, tổ chức có liên quan		
3.2	Xem xét, cấp giấy phép quy hoạch	15	15	7	7	15	15	7	7			UBND tỉnh/ UBND cấp huyện	
II LĨNH VỰC XÂY DỰNG													
1	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế-kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước			37	27								

1.1	Thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh (đối với dự án sử dụng ngân sách nhà nước)	30	20	30	20					Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT/ UBND cấp huyện	Cơ quan, tổ chức có liên quan		
1.1.1	Nộp hồ sơ trình thẩm định, hướng dẫn người đề nghị thẩm định thực hiện song song TTHC về bảo vệ môi trường và gửi kết quả về bước 1.2. Trích lục và gửi hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức liên quan (từ bước 1.1.2 đến 1.1.4 thực hiện đồng thời)	5	5	5	3					Như trên	Người đề nghị thẩm định, Sở tài Nguyên và Môi trường thẩm định ĐTM/ UBND cấp huyện phê duyệt KHBVMT		
1.1.2	Thực hiện TTHC thẩm duyệt thiết kế về PCCC	10	10	5	5					Như trên	Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh		Giám TKCS tối thiểu 05 ngày theo Chi thị 08/CT-TTg

1.1.3	Lấy ý kiến về kết nối hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp, thoát nước.)	14	14	7	7					Như trên	Đơn vị quản lý HTKT (Điện lực Cao Bằng/Công ty cấp nước Cao Bằng/đơn vị quản lý khác)	Giám tối thiểu 07 ngày theo Chỉ thị 08/CT-TTg
1.1.4	Yêu cầu người đề nghị thẩm định thuê tư vấn thẩm tra, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan khác (nếu có).	15	10	15	10					Như trên	Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan khác	
1.1.5	Tổng hợp, ra thông báo kết quả thẩm định			7	4					Như trên		
1.1.6	Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo Thông báo kết quả thẩm định và nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh về cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC									Như trên	Người đề nghị thẩm định	Thời gian chỉnh sửa hồ sơ theo thỏa thuận hợp đồng, không tính trong thời gian giải quyết TTHC

1.1.7	Kiểm tra, đóng dấu thẩm định hồ sơ sau chỉnh sửa (Báo cáo NCKT/Báo cáo KTKT/Thiết kế PCCC). Trả hồ sơ.			3	3				Như trên	Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh		
1.2	Xem xét, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế-kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước			7	7				Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT/ UBND cấp huyện		UBND tỉnh/ UBND cấp huyện/ Người có thẩm quyền phê duyệt	Theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh (Sở Xây dựng chuyên ngành 02 ngày làm việc, UBND tỉnh 05 ngày làm việc)
1.2.1	Hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt (chuyển hồ sơ đã đóng dấu từ 1.1.7 + bổ sung Quyết định phê duyệt ĐTM/kế hoạch bảo vệ môi trường)			2	2				Như trên	Người đề nghị thẩm định		
1.2.2	Xem xét, phê duyệt dự án. Gửi kết quả về cơ quan trực tiếp TTHC để trả kết quả cho người đề nghị thẩm định.			5	5						UBND tỉnh/ UBND cấp huyện/ Người có thẩm quyền phê duyệt	

2	Thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh trường hợp thiết kế 1 bước (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và vốn khác)					20	15	15	10	Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT/ UBND cấp huyện	Cơ quan, tổ chức có liên quan	Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT/ UBND cấp huyện	Theo Chỉ thị 08/CT-TTg (Giảm tối thiểu 05 ngày)
2.1	Nộp hồ sơ trình thẩm định, hướng dẫn người đề nghị thẩm định thực hiện các thủ tục liên quan đến chuẩn bị đầu tư xây dựng									Như trên	Người đề nghị thẩm định		
2.2	Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan					15	10	10	7	Như trên	Cơ quan, tổ chức có liên quan		
2.3	Tổng hợp, ra thông báo kết quả thẩm định							3	1	Như trên			
2.4	Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo Thông báo kết quả thẩm định và nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh về cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC									Như trên	Người đề nghị thẩm định		Thời gian chỉnh sửa hồ sơ theo thỏa thuận hợp đồng, không tính trong thời gian giải quyết TTHC

2.5	Kiểm tra, đóng dấu thẩm định hồ sơ sau chỉnh sửa. Trả hồ sơ.							2	2	Như trên		Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT/ UBND cấp huyện	2 ngày, theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh
3	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (thiết kế sau thiết kế cơ sở)			33	23			26	16	Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan, tổ chức có liên quan	UBND tỉnh	
3.1	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (thiết kế sau thiết kế cơ sở)	30	20	26	16	30	20	26	16				Theo Chỉ thị 08/CT-TTg (Giảm tối thiểu 04 ngày)
3.1.1	Nộp hồ sơ trình thẩm định. Trích lục và gửi hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức liên quan (từ bước 3.1.2 đến 3.1.4 thực hiện đồng thời)	5	5	3	2	5	5	3	2	Như trên	Chủ đầu tư		

3.1.2	Thực hiện TTHC thẩm duyệt về PCCC	10	10	10	10	10	10	10	10	Như trên	Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh	Theo Chi thị 08/CT-TTg (Giám TKCS tối thiểu 05 ngày)
3.1.3	Thực hiện thủ tục kết nối cấp điện, cấp, thoát nước.	14	14	7	7	14	14	7	7	Như trên	Điện lực Cao Bằng/Công ty cấp nước Cao Bằng/Đơn vị quản lý HTKT	Theo Chi thị 08/CT-TTg (Giám tối thiểu 07 ngày)
3.1.4	Yêu cầu CĐT thuê tư vấn thẩm tra, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan khác (nếu có).	15	10	15	10	15	10	15	10	Như trên	Cơ quan, tổ chức có liên quan khác	
3.1.5	Tổng hợp, ra Thông báo kết quả thẩm định			6	2	8	3	6	2	Như trên		
3.1.6	Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo Thông báo kết quả thẩm định									Như trên	Chủ đầu tư	Thời gian chỉnh sửa hồ sơ theo hợp đồng, không tính trong thời gian giải quyết TTHC

3.1.7	Kiểm tra, đóng dấu thẩm định hồ sơ sau chỉnh sửa (thiết kế sau TKCS dự toán xây dựng/thiết kế PCCC). Trả hồ sơ.			2	2	2	2	2	2	Như trên	Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh		
3.2	Xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng đối với dự án sử dụng vốn NSNN			7	7					Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND cấp tỉnh/ UBND cấp huyện/ người có thẩm quyền phê duyệt	
3.2.1	Nộp, kiểm tra hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (Hồ sơ 3.1.7 + bổ sung Quyết định phê duyệt ĐTM/kế hoạch bảo vệ môi trường)			2	2					Như trên	Người đề nghị thẩm định		Theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh (Sở Xây dựng chuyên ngành 02 ngày làm
3.2.2	Xem xét, phê duyệt dự án. Gửi kết quả về cơ quan trực tiếp TTHC để trả kết quả cho người đề nghị thẩm định.			5	5							UBND cấp tỉnh/ UBND cấp huyện/ người có thẩm quyền phê duyệt	

4	Cấp giấy phép xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện					30	30	20	20	Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện	Cơ quan, tổ chức có liên quan	Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện.	Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh. Theo Chỉ thị 08/CT-TTg Giảm tối thiểu 10 ngày.
5	Phối hợp nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư khi công trình xây dựng hoàn thành để đưa vào sử dụng			30	15			30	15				Phối hợp theo Chỉ thị 08/CT-TTg
5.1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	10	10	10	10	10	10	10	10	Sở Xây dựng/ Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương/ Sở Nông nghiệp và PTNT			theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh

5.2	Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy	7	7	7	7	7	7	7	7		Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh		Theo nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ
5.3	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	30	15	30	15	30	15	30	15		Số Tài nguyên và Môi Trường		theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh